

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I LỚP 2	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	3	14
ĐỀ SỐ 2 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	5	16
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	18
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	20
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	23



ON THI
123

A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP



ĐỀ SỐ 1

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số 75 được đọc là:

- A. Bảy mươi năm B. Bảy mươi lăm C. Năm mươi bảy D. Bảy mươi lăm

Câu 2. Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 100 B. 98 C. 99 D. 90

Câu 3. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 72 ; 86 ; 37 ; 98 ; 29.

A. 29 ; 37 ; 72 ; 86 ; 98

B. 98 ; 37 ; 72 ; 29 ; 86

C. 98 ; 86 ; 72 ; 37 ; 29

D. 72 ; 37 ; 29 ; 98 ; 86

Câu 4. Số liền sau của số tròn chục bé nhất có 2 chữ số là:

- A. 10 B. 11 C. 12 D. 13

Câu 5. Cho hai số có cùng chữ số hàng chục. Chữ số hàng đơn vị hơn (kém) nhau 7 đơn vị. Hỏi hai số đó hơn (kém) nhau bao nhiêu đơn vị?

- A. 7 B. 8 C. 10 D. 12

Câu 6. Tìm số hạng thứ hai, biết rằng số hạng thứ nhất bằng 35 và tổng bằng 58.

- A. 21 B. 22 C. 23 D. 24

Câu 7. Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ trống:

$$88 - 65 + 21 \quad \square \quad 23 + 45 - 17$$

- A. < B. > C. = D. Không có đáp án

Câu 8. Hoa gấp được một số ngôi sao, Minh cho Hoa thêm 15 ngôi sao nữa thì số ngôi sao của Hoa là số liền sau số 36. Hỏi lúc đầu Hoa gấp được bao nhiêu ngôi sao?

- A. 22 ngôi sao B. 23 ngôi sao C. 24 ngôi sao D. 25 ngôi sao

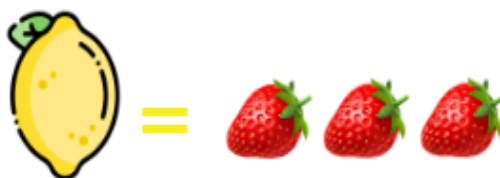
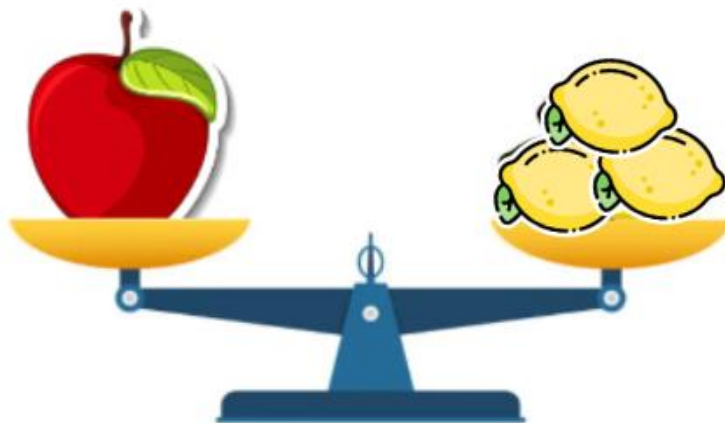
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

$27 + 51$

$10 + 29$

$56 - 25$

$84 - 32$

Bài 2. (1,5 điểm) Quan sát hình vẽ sau:

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Cân nặng của 1 quả táo bằng cân nặng của quả chanh.

b) Cân nặng của 1 quả táo bằng cân nặng của quả dâu.

Bài 3. (2 điểm) Cái bàn ăn cao 90cm, cái bàn học thấp hơn cái bàn ăn 20cm. Cái bàn phòng khách thấp hơn cái bàn học 10cm. Hỏi cái bàn phòng khách cao bao nhiêu xăng-ti-mét?**Bài 4. (0,5 điểm)** Từ các số 1, 6, 0, 8, lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau lớn hơn 60?**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 2

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số gồm 9 chục và 3 đơn vị được viết là:

Câu 2. Tìm trên tia số các số lớn hơn 4 và nhỏ hơn 8?



A. 1 ; 2 ; 7

B. 5 ; 6

C. 3 ; 5 ; 6

D. 5 ; 6 ; 7

Câu 3. Dấu ">, <, =" thích hợp điền vào chỗ trống là:

$$9 + 6 - 8 \quad \square \quad 15 - 7 + 6$$

A. >

B. <

C. =

D. Không có đáp án

Câu 4. Ghép hai trong bốn thẻ có chứa các chữ số: 3; 9; 0; 4 được tất cả bao nhiêu số có hai chữ số?

A. 9 số

B. 7 số

C. 10 số

D. 12 số

Câu 5. 92 là tổng của cặp số nào sau đây?

A. 40 và 32

B. 42 và 40

C. 50 và 42

D. 50 và 32

Câu 6. Lớp 2A có 45 học sinh, lớp 2B có 35 học sinh. Hỏi lớp 2B có ít hơn lớp 2A bao nhiêu học sinh?

A. 7 học sinh

B. 8 học sinh

C. 9 học sinh

D. 10 học sinh

Câu 7. Hiệu của hai số 76 và 25 là:

A. 41

B. 45

C. 49

D. 51

Câu 8. Số thích hợp để điền vào dấu chấm "?" thứ hai là:



A. 3

B. 12

C. 11

D. 15

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính.

$34 + 15$

$78 - 56$

$12 + 87$

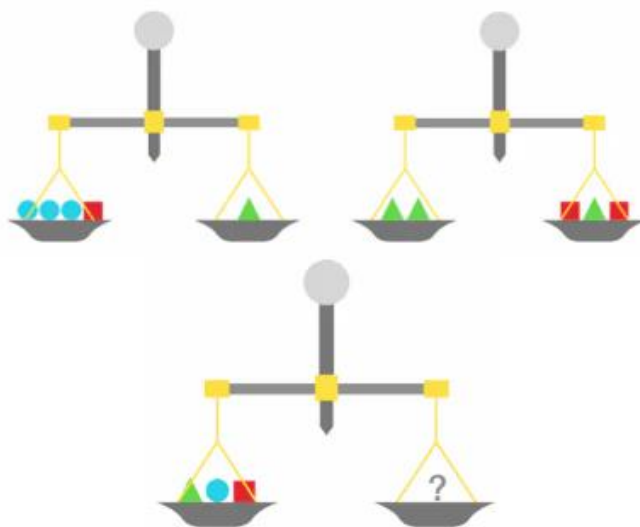
$69 - 9$

Bài 2. (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ trống:

• $45 + 12 > 58 + 20$ ☐

• $54 = 20 + 34$ ☐

• $98 - 36 < 55 + 33$ ☐

Bài 3. (2 điểm) Trong rổ có 17 quả táo đỏ, 21 quả táo xanh và số quả táo vàng ít hơn tổng số táo của táo đỏ và táo xanh là 15 quả. Hỏi trong rổ có loại táo nào nhiều nhất?**Bài 4. (0,5 điểm)** Quan sát hình vẽ sau:

Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số tám mươi lăm được viết là:

Câu 2. Cho các số: 84 ; 66 ; 82 ; 58 ; 48.

Số lớn nhất là:

A. 84

B. 66

C. 58

D. 82

Câu 3. Hiệu bằng bao nhiêu khi số bị trừ là 58 và số trừ là 25?

A. 34

B. 23

C. 75

D. 33

Câu 4. Nối cột A với cột B để được phép tính đúng.

Cột A	Cột B
1 $7 + 7$	a. 13
2 $9 + 2$	b. 14
3 $8 + 5$	c. 11

A. $1 - a$; $2 - b$; $3 - c$

B. $1 - c$; $2 - b$; $3 - a$

C. $1 - b$; $2 - c$; $3 - a$

D. $1 - b$; $2 - a$; $3 - c$

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$$30 < 21 + \square < 32$$

A. 9

B. 10

C. 11

D. 12

Câu 6. Có bao nhiêu thẻ ghi kết quả nhỏ hơn 40?

$45 + 13$	$97 - 63$
$25 + 44$	$37 + 11$
$54 - 32$	$21 + 2$

A. 3 thẻ

B. 4 thẻ

C. 5 thẻ

D. 6 thẻ

Câu 7. Sơn có 23 chiếc bút. Mẹ và chị mỗi người cho Sơn 3 chiếc bút. Hỏi Sơn có tất cả bao nhiêu chiếc bút?

A. 28 chiếc bút

B. 29 chiếc bút

C. 30 chiếc bút

D. 31 chiếc bút

Câu 8. Thúng thứ nhất có 13 quả cam, thúng thứ hai có 7 quả cam. Hỏi phải lấy từ thúng thứ nhất mấy quả cam bỏ sang thúng thứ hai để hai thúng có số cam bằng nhau?

A. 5 quả cam

B. 2 quả cam

C. 3 quả cam

D. 4 quả cam

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$45 + 32$$

$$61 + 37$$

$$84 - 52$$

$$67 - 41$$

Bài 2. (2 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$16\text{kg} + 3\text{kg} - 7\text{kg} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$20\text{kg} + 54\text{kg} - 31\text{kg} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$83\text{kg} - 76\text{kg} + 10\text{kg} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

$$42\text{kg} + 53\text{kg} - 62\text{kg} = \dots\dots\dots\text{kg}$$

Bài 3. (1,5 điểm) Một cửa hàng buổi sáng bán được 48 ki-lô-gam gạo, buổi chiều cửa hàng đó bán ít hơn buổi sáng 15 ki-lô-gam gạo. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm tổng của số lớn nhất và số nhỏ nhất có hai chữ số được lập từ các số 1; 2; 4.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Tổng của 13 và 24 là:

- A. 36 B. 37 C. 55 D. 73

Câu 2. Kết quả của phép tính $49 - 8$ là:

- A. 40 B. 41 C. 42 D. 40

Câu 3. Dấu “>, <, =” thích hợp điền vào chỗ chấm là: $7 + 5 \dots 9 + 3$

- A. > B. < C. = D. Không có đáp án

Câu 4. Điền kết quả thích hợp vào chỗ chấm: $6 \text{ cm} + 8 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

- A. 13 B. 14 C. 13 cm D. 14 cm

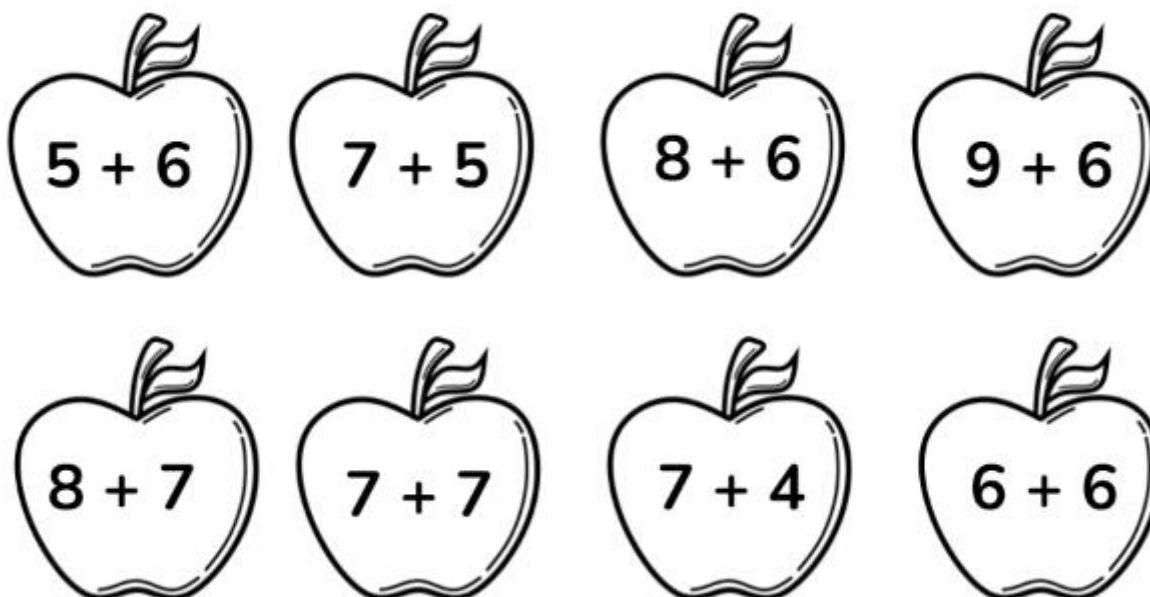
Câu 5. Mẹ mua 36 cái bánh. Mẹ biếu bà 12 cái bánh. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu cái bánh?

- A. 12 cái bánh B. 24 cái bánh C. 36 cái bánh D. 48 cái bánh

Câu 6. Lúc đầu, trên xe khách có 9 người. Đến bến, có thêm 8 người lên xe. Hỏi lúc này trên xe có tất cả bao nhiêu người?

- A. 1 người B. 16 người C. 17 người D. 18 người

Câu 7. Nối các quả táo có kết quả bằng nhau:



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1. (2 điểm)** Đặt tính rồi tính:

$55 + 23$

$41 + 8$

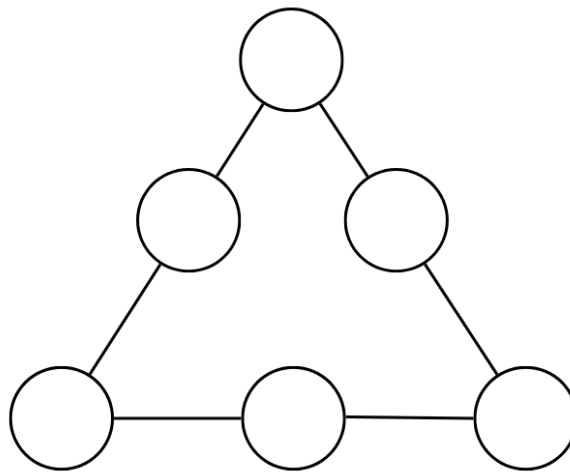
$39 - 8$

$74 - 21$

Bài 2. (2 điểm) Tính:

a) $37 - 6 + 43$

b) $9 \text{ cm} + 6 \text{ cm} - 5 \text{ cm}$

Bài 3. (1,5 điểm) Vườn nhà An có 26 cây na và 14 cây ổi. Hỏi trong vườn nhà An, cây na hơn cây ổi bao nhiêu cây?**Bài 4. (0,5 điểm)** Viết các số 20; 30; 50 thích hợp vào ô trống sao cho tổng ba số trên mỗi cạnh đều bằng 100.

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền sau số 11 là:

- A. 9 B. 10 C. 12 D. 13

Câu 2. Số hạng thứ nhất là 55, số hạng thứ hai là 34. Tổng của hai số hạng là:

- A. 80 B. 21 C. 89 D. 98

Câu 3. Chọn mảnh ghép ghi kết quả đúng:



A. 
 B. 
 C. 
 D. 

Câu 4. Phép tính nào có kết quả nhỏ hơn 20:

- A. $12 + 8$ B. $30 - 10$ C. $12 + 10$ D. $19 - 8$

Câu 5. Dấu “>, <, =” thích hợp điền vào ô trống là: $8 + 7$ $65 - 51$.

- A. > B. < C. = D. Không có đáp án

Câu 6. Bài giải nào đúng cho bài toán sau:

Nhóm của Đức vẽ được 16 bức tranh, nhóm của Mai vẽ được ít hơn nhóm của Đức 7 bức tranh.
Hỏi nhóm của Mai vẽ được bao nhiêu bức tranh?

A. Nhóm của Mai vẽ được nhiều hơn số bức tranh là:

$$16 + 7 = 23 \text{ (bức tranh)}$$

Đáp số: 23 bức tranh

B. Nhóm của Mai vẽ được số bức tranh là:

$$16 - 7 = 9 \text{ (bức tranh)}$$

Đáp số: 9 bức tranh

C. Nhóm của Đức vẽ số bức tranh là:

$$16 - 7 = 9 \text{ (bức tranh)}$$

Đáp số: 9 bức tranh

Câu 7. Số thích hợp điền vào dấu “?” là:



A. 11

B. 12

C. 13

D. 14

Câu 8. Bà Tư buổi sáng bán được 3 chục quả trứng. Buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 7 quả trứng. Buổi chiều, bà Tư bán được bao nhiêu quả trứng?

A. 36 quả

B. 37 quả

C. 47 quả

D. 17 quả

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$36 - 23$

$50 + 40$

$43 + 6$

$99 - 9$

Bài 2. (2 điểm) Tính:

a) $12 - 9 + 5 = \dots\dots\dots$

b) $40 + 50 - 20 = \dots\dots\dots$

c) $4 + 9 + 5 = \dots\dots\dots$

d) $67 - 6 + 21 = \dots\dots\dots$

Bài 3. (1,5 điểm) Giải bài toán sau

Một trường học dự kiến sơn lại 18 phòng học trong tháng này. Đến hôm nay, trường đã sơn được 9 phòng học. Hỏi còn bao nhiêu phòng học chưa được sơn?

Bài 4. (0,5 điểm) Điền số thích hợp vào dấu “?”

10	2	8
12	3	9
?	5	9
16	9	?

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	B	A	C	A	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$27 + 51$$

$$10 + 29$$

$$56 - 25$$

$$84 - 32$$

Lời giải

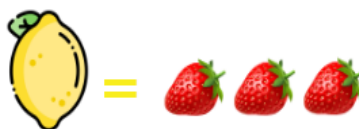
$$\begin{array}{r} 27 \\ + 51 \\ \hline 78 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 \\ + 29 \\ \hline 39 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 25 \\ \hline 31 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 32 \\ \hline 52 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Quan sát hình vẽ sau:



Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Cân nặng của 1 quả táo bằng cân nặng của quả chanh.

b) Cân nặng của 1 quả táo bằng cân nặng của quả dâu.

Lời giải

a) Cân nặng của 1 quả táo bằng cân nặng của **3** quả chanh.

b) Cân nặng của 1 quả táo bằng cân nặng của **9** quả dâu.

(Quan sát hình vẽ ta thấy:

1 quả chanh có cân nặng bằng cân nặng của 3 quả dâu. Do đó 3 quả chanh có cân nặng bằng cân nặng của: $3 + 3 + 3 = 9$ (quả dâu).

Mà: 1 quả táo có cân nặng bằng 3 quả chanh.

Do đó: 1 quả táo có cân nặng bằng cân nặng của 9 quả dâu.)

Bài 3. (2 điểm) Cái bàn ăn cao 90cm, cái bàn học thấp hơn cái bàn ăn 20cm. Cái bàn phòng khách thấp hơn cái bàn học 10cm. Hỏi cái bàn phòng khách cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

Lời giải

Cái bàn học cao số xăng-ti-mét là: $90 - 20 = 70$ (cm).

Cái bàn phòng khách cao số xăng-ti-mét là: $70 - 10 = 60$ (cm).

Đáp số: 60cm.

Bài 4. (0,5 điểm) Từ các số 1, 6, 0, 8, lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau lớn hơn 60?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Lập được tất cả **5** số có hai chữ số khác nhau lớn hơn 60 từ các chữ số 1; 0; 6; 8.

(Các số có hai chữ số khác nhau lớn hơn 60 lập được từ các chữ số 1; 0; 6; 8 phải có chữ số hàng chục là 6 hoặc 8:

- Chữ số hàng chục là 6: Lập được 2 số: 61; 68.
- Chữ số hàng chục là 8: Lập được 3 số: 80; 81; 86.

Vậy lập được 5 số có hai chữ số khác nhau lớn hơn 60 từ các chữ số 1; 0; 6; 8 là:
61; 68; 80; 81; 86.)



ON THI
123

ĐỀ SỐ 2

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng cho 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	93	D	B	A	C	D	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$34 + 15$$

$$78 - 56$$

$$12 + 87$$

$$69 - 9$$

Lời giải

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 15 \\ \hline 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 56 \\ \hline 22 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 87 \\ \hline 99 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ - 9 \\ \hline 60 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ trống:

• $45 + 12 > 58 + 20$ ☐

• $54 = 20 + 34$ ☐

• $98 - 36 < 55 + 33$ ☐

Lời giải

Ta có:

• $45 + 12 = 57$; $58 + 20 = 78$

Vì $57 < 78$ nên $45 + 12 < 58 + 20$. Do đó điền: **S**

• $20 + 34 = 54$

Vì $54 = 54$, do đó điền: **Đ**

• $98 - 36 = 62$; $55 + 33 = 88$

Vì $62 < 88$ nên $98 - 36 < 55 + 33$. Do đó điền: **Đ**

Bài 3. (2 điểm) Trong rổ có 17 quả táo đỏ, 21 quả táo xanh và số quả táo vàng ít hơn tổng số táo của táo đỏ và táo xanh là 15 quả. Hỏi trong rổ có loại táo nào nhiều nhất?

Lời giải

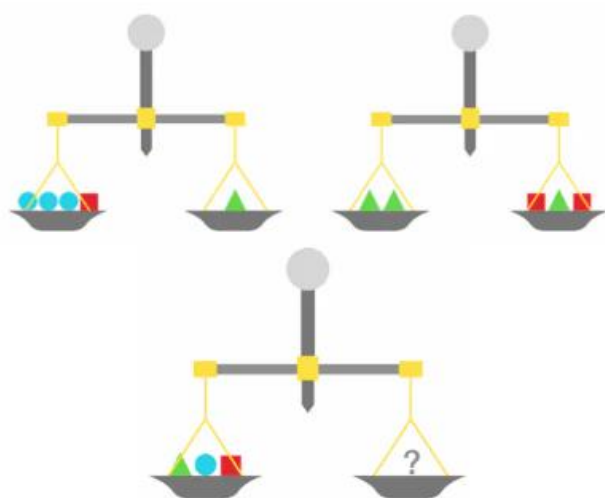
Tổng số quả táo đỏ và táo xanh là: $17 + 21 = 38$ (quả).

Số táo vàng có trong rổ là: $38 - 15 = 23$ (quả).

Ta có: $17 < 21 < 23$ nên trong rổ có loại táo vàng nhiều nhất.

Vậy trong rổ có loại táo vàng nhiều nhất.

Bài 4. (0,5 điểm) Quan sát hình vẽ sau:



Tính số hình tròn cần điền vào dấu “?”.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số hình tròn cần điền vào dấu “?” là: 10 hình.

(Quan sát chiếc cân thứ hai ta có:

2 hình tam giác = 2 hình vuông + 1 hình tam giác

Do đó: 1 hình tam giác = 2 hình vuông

Quan sát chiếc cân thứ nhất ta có:

1 hình tam giác = 3 hình tròn + 1 hình vuông

Vì vậy: 1 hình tam giác = 2 hình vuông = 3 hình tròn + 1 hình vuông

Do đó: 1 hình vuông = 3 hình tròn

1 hình tam giác = 2 hình vuông = 6 hình tròn

Như vậy: 1 hình tam giác + 1 hình tròn + 1 hình vuông

= 6 hình tròn + 1 hình tròn + 3 hình tròn = 10 hình tròn

Vậy có 10 hình tròn cần điền vào dấu ?)

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	85	A	D	C	B	A	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$45 + 32$$

$$61 + 37$$

$$84 - 52$$

$$67 - 41$$

Lời giải

$$\begin{array}{r} 45 \\ + \\ 32 \\ \hline 77 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ + \\ 37 \\ \hline 98 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - \\ 52 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ - \\ 41 \\ \hline 26 \end{array}$$

Bài 2. (2 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$16\text{kg} + 3\text{kg} - 7\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$20\text{kg} + 54\text{kg} - 31\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$83\text{kg} - 76\text{kg} + 10\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$42\text{kg} + 53\text{kg} - 62\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

Lời giải

$$16\text{kg} + 3\text{kg} - 7\text{kg} = \mathbf{12}\text{kg}$$

$$20\text{kg} + 54\text{kg} - 31\text{kg} = \mathbf{43}\text{kg}$$

$$83\text{kg} - 76\text{kg} + 10\text{kg} = \mathbf{17}\text{kg}$$

$$42\text{kg} + 53\text{kg} - 62\text{kg} = \mathbf{33}\text{kg}$$

Bài 3. (1,5 điểm) Một cửa hàng buổi sáng bán được 48 ki-lô-gam gạo, buổi chiều cửa hàng đó bán ít hơn buổi sáng 15 ki-lô-gam gạo. Hỏi buổi chiều cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Lời giải

Buổi chiều cửa hàng đó bán được số ki-lô-gam gạo là:

$$48 - 15 = 33 \text{ (kg)}.$$

Đáp số: 33kg gạo.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm tổng của số lớn nhất và số nhỏ nhất có hai chữ số được lập từ các số:

1 ; 2 ; 4.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tổng của số lớn nhất và số nhỏ nhất có hai chữ số được lập từ các số: 1 ; 2 ; 4 là: **55**.

(Các số có hai chữ số được lập từ 3 số: 1 ; 2 ; 4:

- Có chữ số hàng chục là 1: 11 ; 12 ; 14
- Có chữ số hàng chục là 2: 21 ; 22 ; 24
- Có chữ số hàng chục là 4: 41 ; 42 ; 44

Quan sát các số trên ta thấy:

- Số bé nhất là: 11
- Số lớn nhất là: 44

Tổng của hai số đó là: $11 + 44 = 55$.)

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

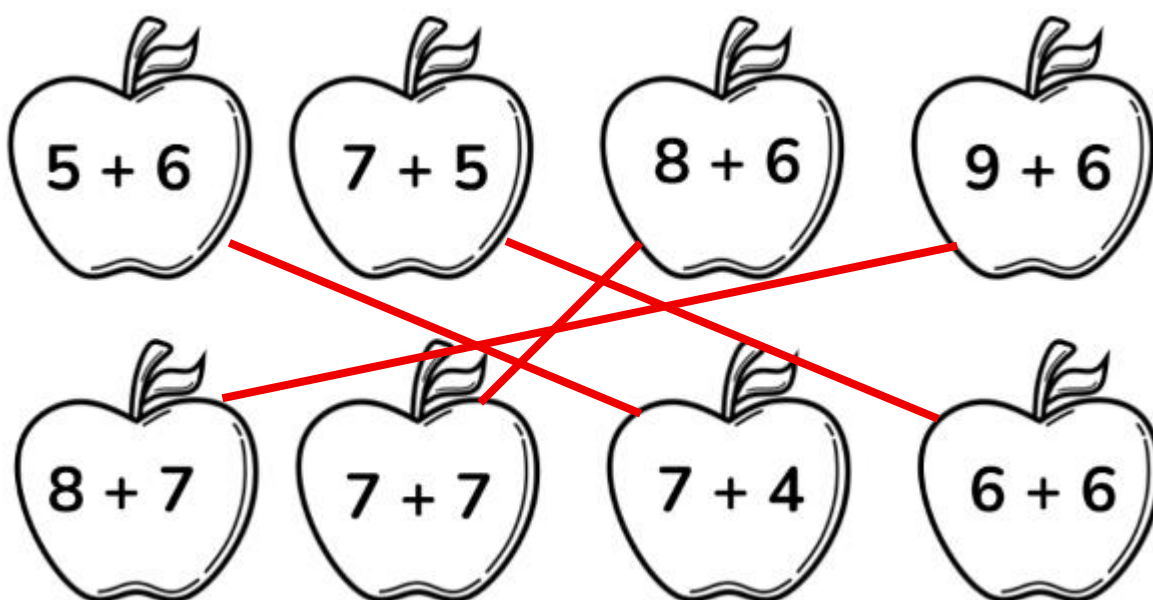
Mỗi câu đúng cho 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	C	D	B	C

Câu 7. (1 điểm) Nối các quả táo có kết quả bằng nhau:

Lời giải

Ta có: $5 + 6 = 7 + 4 = 11$; $7 + 5 = 6 + 6 = 12$; $8 + 6 = 7 + 7 = 14$; $9 + 6 = 8 + 7 = 15$



II. TỰ LUẬN

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$55 + 23$$

$$41 + 8$$

$$39 - 8$$

$$74 - 21$$

Lời giải

$$\begin{array}{r} 55 \\ + 23 \\ \hline 78 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ + 8 \\ \hline 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ - 8 \\ \hline 31 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ - 21 \\ \hline 53 \end{array}$$

Bài 2. (2 điểm) Tính:

a) $37 - 6 + 43$

b) $9 \text{ cm} + 6 \text{ cm} - 5 \text{ cm}$

Lời giải

a) $37 - 6 + 43$

$= 31 + 43$

$= 74$

b) $9 \text{ cm} + 6 \text{ cm} - 5 \text{ cm}$

$= 15 \text{ cm} - 5 \text{ cm}$

$= 10 \text{ cm}$

Bài 3. (1,5 điểm) Vườn nhà An có 26 cây na và 14 cây ổi. Hỏi trong vườn nhà An, cây na hơn cây ổi bao nhiêu cây?

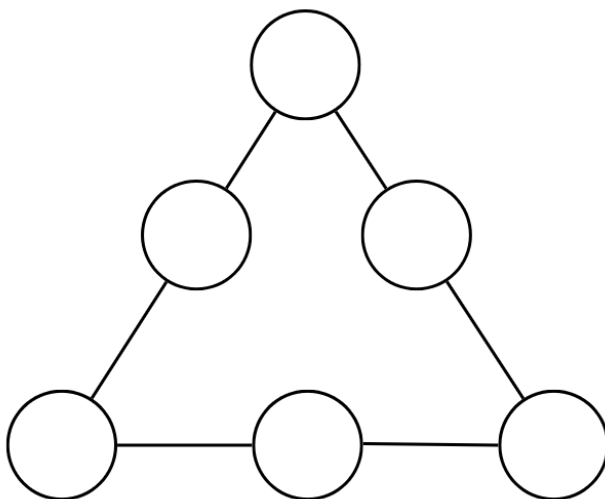
Lời giải

Vườn nhà An, cây na hơn cây ổi số cây là:

$26 - 14 = 12 \text{ (cây)}$

Đáp số: 12 cây

Bài 4. (0,5 điểm) Viết các số 20; 30; 50 thích hợp vào ô trống sao cho tổng ba số trên mỗi cạnh đều bằng 100.

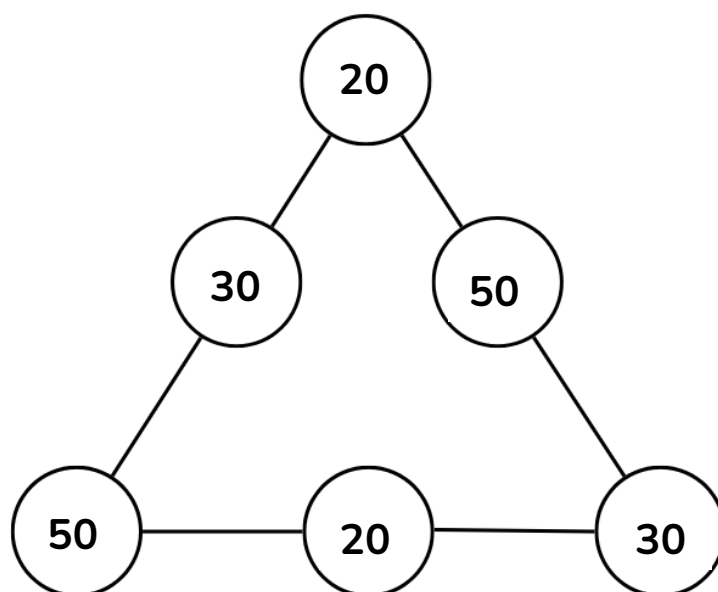
**Lời giải**

Các số cho trước là 20; 30; 50. Quan sát mỗi cạnh của hình tam giác đều có 3 ô trống.

Muốn tổng 3 số bằng 100, ta nhận thấy: $20 + 30 + 50 = 100$

Mỗi cạnh phải có đủ ba số 20; 30; 50.

Ta điền như hình vẽ



Kiểm tra lại:

Cạnh trái: $20 + 30 + 50 = 100$

Cạnh phải: $20 + 50 + 30 = 100$

Cạnh dưới: $50 + 20 + 30 = 100$



ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2026 – 2027

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	C	D	A	B	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$36 - 23$$

$$50 + 40$$

$$43 + 6$$

$$99 - 9$$

Lời giải

$$\begin{array}{r} 36 \\ - 23 \\ \hline 13 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 50 \\ + 40 \\ \hline 90 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 43 \\ + 6 \\ \hline 49 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 99 \\ - 9 \\ \hline 90 \end{array}$$

Bài 2. (2 điểm) Tính:

a) $12 - 9 + 5 = \dots\dots\dots$

b) $40 + 50 - 20 = \dots\dots\dots$

c) $4 + 9 + 5 = \dots\dots\dots$

d) $67 - 6 + 21 = \dots\dots\dots$

Lời giải

a) $12 - 9 + 5 = 3 + 5 = 8$

b) $40 + 50 - 20 = 90 - 20 = 70$

c) $4 + 9 + 5 = 13 + 5 = 18$

d) $67 - 6 + 21 = 61 + 21 = 82$

Bài 3. (1,5 điểm) Giải bài toán sau

Một trường học dự kiến sơn lại 18 phòng học trong tháng này. Đến hôm nay, trường đã sơn được 9 phòng học. Hỏi còn bao nhiêu phòng học chưa được sơn?

Lời giải

Số phòng học chưa được sơn là:

$$18 - 9 = 9 \text{ (phòng)}$$

Đáp số: 9 phòng

Bài 4. (0,5 điểm) Điền số thích hợp vào dấu “?”

10	2	8
12	3	9
?	5	9
16	9	?

Trả lời:

Lời giải

Ta thấy hàng 1: $2 + 8 = 10$

Hàng 2: $3 + 9 = 12$

Quy luật: Trong mỗi hàng, số ở cột 1 bằng tổng hai số ở cột 2 và cột 3.

Suy ra hàng 3: $? = 9 + 5 = 14$

Hàng 4: $? = 16 - 9 = 7$

Vậy hai số cần điền là: 14 và 7.